

VỀ BỨC QUỐC THỦ CỦA TRẦN THỦ ĐÀNG TRONG GỞI CÔNG TY ĐÔNG ẤN HÀ LAN Ở BATAVIA (INDONESIA) NĂM 1626

Võ Vinh Quang*

1. Lời mở

Thế kỷ XVII ở Việt Nam được xem là thế kỷ của ngoại thương và bang giao quốc tế. Đặt trong bối cảnh của “*Southeast asia’s age of commerce*”⁽¹⁾ (kỷ nguyên thương mại Đông Nam Á) với nền hải thương thế giới “chuyển mình” một cách mạnh mẽ, cùng với đó là sự tích cực hòa nhập về ngoại thương của cả hai tập đoàn phong kiến Lê-Trịnh (Đàng Ngoài) - Chúa Nguyễn (Đàng Trong)... đã tạo nên sự năng động đặc biệt trong chính sách giao thương Đại Việt đương thời.

Nếu ở Đàng Ngoài, nhu cầu trao đổi buôn bán của chính triều Lê-Trịnh thực sự không mang tính cấp thiết, thì đối với xứ Nam Hà “*ngoại thương đã trở thành yếu tố quyết định trong tốc độ phát triển của Đàng Trong. Ngoài thương nghiệp, không gì khác có thể giúp họ Nguyễn xây dựng một cách nhanh chóng vùng đất ít nhân lực này để có thể đương đầu nổi với một vùng đất có số tiềm lực nhiều gấp đôi, gấp ba Đàng Trong về mọi mặt. Đối với các nước khác ở Đông Nam Á, vấn đề ngoại thương có thể chỉ là vấn đề làm giàu, nhưng đối với Đàng Trong vào buổi đầu, đây là một vấn đề sống còn*”.⁽²⁾ Vì vậy, từ sau năm Canh Tý (1600), khi Chúa Nguyễn Hoàng quay về trấn nhậm Thuận Quảng, việc phát triển quan hệ thương mại với các nước, trên cơ sở bang giao hữu hảo, đôi bên cùng có lợi đã được xem là vấn đề trọng yếu liên quan đến sự tồn vong của cơ nghiệp nhà Nguyễn. Với nhiều thương cảng quốc tế được mở rộng trên toàn vùng Thuận Quảng, các Chúa Nguyễn đã tích cực gọi mời và tạo điều kiện thuận lợi cho thuyền buôn các nước đến với Đàng Trong.

Vài năm trở lại đây, nhiều công trình nghiên cứu về ngoại thương Đàng Trong thời chúa Nguyễn đã đạt được những thành tựu rất đáng khích lệ. Qua các di vật, di tích, di sản vật thể và phi vật thể hiện tồn ở trong và ngoài nước, giới học giả đã khẳng định dấu ấn của ba quốc gia Nhật Bản, Trung Quốc và Bồ Đào Nha là đậm nét nhất đối với nền kinh tế và quân sự ở vùng Thuận Quảng. Bên cạnh đó, Đàng Trong cũng có những mối bang giao với các quốc gia, lãnh thổ khác như Hy Lạp, Hà Lan, Anh, Pháp, Luzon (Philippines), Batavia (Indonesia), Cao Mên, Xiêm La... Tuy vậy, ngoại trừ việc giao thương với Nhật Bản, Trung Quốc được tìm hiểu khá sâu rộng, các quan hệ ngoại giao và thương nghiệp giữa Đàng Trong với các nước khác vẫn chưa thực sự được chú trọng tìm hiểu.

Vừa qua, chúng tôi may mắn tiếp cận tư liệu *Leeuw en Draak: Vier eeuwen Nederland en Vietnam*⁽³⁾ được các học giả John Kleinen, Bert van der Zwan,

* Phân Viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế.

Hans Moors, Ton van Zeeland biên tập, xuất bản năm 2007 ở Hà Lan... Đến năm 2008, cuốn sách ấy được dịch qua tiếng Việt với tiêu đề *Sư tử và Rồng: Bốn thế kỷ quan hệ Hà Lan-Việt Nam*⁽⁴⁾ do PGS, TS Nguyễn Văn Kim và TS Hoàng Anh Tuấn biên dịch.^(*) Trong cuốn này, ở bài viết “Về những người bạn cũ và những kẻ thù giả mạo - quan hệ của Hà Lan với Đàng Trong thế kỷ XVII”, TS John Kleinen đã nghiên cứu khá cụ thể về sự giao thiệp qua lại giữa Công ty Đông Ấn Hà Lan (*Vereenigde Oost-Indische Compagnie*, viết tắt: VOC) với Đàng Trong qua các giai đoạn ở thế kỷ XVII. Đồng thời, tác giả đã cung cấp bản chụp bức quốc thư gốc của giới chức Nam Hà gửi nhà đương cục Công ty VOC ở Batavia (Indonesia), cùng với bản dịch (tiếng Hà Lan).

Đây là tư liệu khá thú vị và giúp ích rất nhiều cho quá trình tìm hiểu các vấn đề của Đàng Trong thời các chúa Nguyễn của chúng tôi. Tiếc rằng bản dịch tiếng Hà Lan và bản chuyển dịch qua tiếng Việt ở hai sách kể trên vẫn chưa thể hiện đầy đủ ý nghĩa nội hàm cần chuyển tải của quốc thư gốc. Bởi thế, chúng tôi cố gắng phiên dịch toàn văn bản quốc thư ấy với mong muốn cung cấp nguồn tư liệu khả dĩ gần với hàm ý của văn thư gốc. Đồng thời, chúng tôi cũng đưa ra một số nhận định bước đầu về tác giả bức quốc thư, địa chỉ và người nhận quốc thư... thông qua các yếu tố văn bản học ở quốc thư trên.

2. Bức quốc thư gửi nhà đương cục Batavia (Indonesia) của Đàng Trong



Ảnh 1: Câu chú thích về tác giả bức quốc thư gửi nhà đương cục Công ty Đông Ấn ở Batavia của TS. John Kleinen ở *Leeuw en Draak*...

Bức quốc thư được học giả John Kleinen cung cấp ảnh bản đính kèm tại trang 22, 23 của cuốn sách *Leeuw en Draak: Vier eeuwen Nederland en Vietnam* cùng với câu chú thích tiếng Hà Lan: “*Brief van de kroonprins van Annam aan de J.P. Coen. Het rode zegel links is de ‘Stempel van de generaal van de landsverdediging’ met daarnaast twee karakters in zwarte inkt, die resp. ‘Brief’ en vermoedelijk de naam van de kroonprins betekenen*”⁽⁵⁾ (tạm dịch: *Lá thư từ Thái tử / Thế tử Annam dâng lên J.P. Coen. Con dấu đỏ ở bên trái là ‘con dấu của tướng quốc phòng’, với [tên] hai nhân vật bằng mực đen, là*

“Thư” và có lẽ là cái tên có nghĩa là Thái tử/Thế tử).

Chú thích đó cùng với những bình luận và phần dịch thuật trong bài chứng tỏ học giả J. Kleinen hiểu biết khá sâu nguồn tư liệu giá trị ấy. Tuy vậy, qua đối chiếu phần nguyên tác Hán văn của quốc thư cùng các yếu tố lịch sử liên quan, chúng tôi thấy cần bổ sung, hiệu chỉnh lại một số yếu tố chưa thực sự

* Tài liệu do ThS. Trần Văn Quyến (Trung tâm Nghiên cứu Hà Nội) cung cấp. Nhân đây xin chân thành cảm ơn ThS Quyến. VVQ.

chuẩn xác tại bản dịch và phân nghiên cứu về tư liệu này của tác giả Kleinen. Trước hết, xin cung cấp phần văn bản và dịch thuật bức quốc thư.

2.1. Nguyên tác Hán văn và phần phiên dịch bức quốc thư năm 1626



Ảnh 2:
Bức quốc thư
của Trần thủ
Quảng Nam
Nguyễn Phúc
Kỳ gửi cho
Kapitan Souw
Beng Kong
(甲必單: 蘇鳴崗)
năm 1626.

Nguồn:
Sử tử và Rõng:
Bốn thế kỷ
quan hệ Hà
Lan-Việt Nam,
trang 23.

Nguyên văn:

安南國儲君致書于甲必單物麾下。書曰日月行天歲序雖易而時令不爽。北南分界言語雖殊而義氣則同。歷觀往古之君皆有交鄰之義。所以諸侯服其事萬世仰其高蓋有由也。寡人自恭己承天繼文受禪前者竊慕貴國長風乃遣介人交。欽然雲邊鴈去消息音希意者時異事殊歟海闊溟深歟。茲憑介使再瀆尊前所望誦止信之句詠皇華之詩早泛航舟同伸舊約以為兩國之美事一時之偉觀也。外附奇南香戈矛二事。義不及物聊以適于成之用耶以燔馨于外郡耳。謹書。

永祚八年正月二十一日

[硃印: 鎮守將軍之印] 書/[畫押]

Phiên âm:

An Nam quốc Trữ quân trí thư vu Giáp-tất-đan vật huy hạ

Thư viết: Nhật nguyệt hành thiên, tuế tự tuy dịch, nhi thời lệnh⁽⁶⁾ bất sảng.

Bắc nam phân giới, ngôn ngữ tuy thù, nhi nghĩa khí tắc đồng.

Lịch quán vãng cổ chi quân giai hữu giao lân chi nghĩa. Sở dĩ chư hầu phục kỳ sự, vạn thế ngưỡng kỳ cao cái hữu do dã. Quả nhân tự cung dĩ thừa thiên kế văn thụ thiện tiền giả, thiết mộ quý quốc trường phong nãi khiến giới nhân⁽⁷⁾ giao. Ai nhiên, vân biên nhận khứ,⁽⁸⁾ tiêu tức⁽⁹⁾ âm hi.⁽¹⁰⁾ Ý giả thời dị sự thù dư! hải khoát minh thâm dư! Tư bằng giới sứ tái độc tôn tiên,⁽¹¹⁾ sở vọng tụng chỉ tín chi cú,⁽¹²⁾ vịnh hoàng hoa chi thi,⁽¹³⁾ tảo phiếm hàng chu, đồng thân cứu ước; dĩ vi lương quốc chi mỹ sự, nhất thời chi vĩ quán dã. Ngoại phụ kỳ

nam hương, qua mâu nhị sự. Nghĩa bất cập vật, liêu dĩ thích vu thành chi dụng da. Dĩ phần hình vu ngoại quận nhĩ. Cần thư.

Vinh Tộ bát niên chánh nguyệt nhị thập nhất nhật
 ([Chu ấn: Trấn thủ tướng quân chi ấn] - THƯ/[họa áp])

Dịch nghĩa:

Thế tử nước An Nam kính thư đến ngài Giáp tất đan (*Kapitein /Kapitan*).
 Thư rằng:

Vũ trụ xoay vần, thời gian tuy chuyển động, nhưng tiết khí đâu sai.

Bắc nam phân chia, ngôn ngữ dẫu khác nhau, song tình nghĩa tất đồng.

Trải suốt các bậc quân vương xưa đều trọng nghĩa bang giao. Sở dĩ chư hầu cùng theo việc đó, muôn đời ngưỡng vọng đạo lý cao quý ấy, chính do [nghĩa bang giao] đó mà nên.

Tôi kính tuân mệnh trời, nghiệp lành tiếp nối, nhận mệnh kế thừa [cơ đồ]. Trước đây, tôi trộm rất mến mộ quý quốc, đã sai người vượt gió đến giao tình. Ôi! [tiếc rằng] vì mây xa cánh nhận, tuyệt chẳng thấy hồi âm. Ấy do thời cuộc khác biệt ư? do biển rộng bể sâu ư? Nay tôi lại cậy nhờ sứ giả làm phiên các bậc trưởng giả (của quý bang quốc), với ước mong ngấm tưng câu “*chỉ tín*” (hết lòng vì chữ tín), vịnh thơ “*hoàng họa*” (chuyện đi sứ), sớm dong thuyền [đến xứ tôi] để cùng nối liền giao ước cũ. Ấy là điều tốt đẹp cho hai nước chúng ta, là thời khắc tuyệt vời cho sự “gặp gỡ” lớn lao vậy. Ngoài thư, [tôi] xin gửi kèm 2 loại là kỳ nam hương và cặp giáo mác. Nghĩa tình không [bày tỏ] đủ ở vật hạng, hãy cùng hướng đến sự thành tựu của lợi ích [đôi bên], để tiếng thơm lan tỏa đến quận quốc bên ngoài vậy. Kính thư!

Ngày 21 tháng Giêng năm Vinh Tộ thứ 8 (17/02/1626)
 [Ấn son]: Trấn thủ tướng quân chi ấn. THƯ/[HỌA ÁP]

2.2. Bàn thêm về tác giả, người nhận và địa điểm tiếp nhận của bức quốc thư

Nhìn chung, bức quốc thư trên khá ngắn gọn về nội dung nhưng giá trị gợi mở của nó thông qua các yếu tố văn bản hiện hữu trên thư là không hề nhỏ. Căn cứ vào một số yếu tố văn bản ở quốc thư... chúng tôi xin bàn thêm về tác giả, người nhận và địa điểm tiếp nhận của bức quốc thư.

- Về tác giả và người nhận bức quốc thư:

Mở đầu, tác giả viết: “An Nam quốc **Trữ quân** trí thư vu **Giáp tất đan vật huy hạ**”. Ngay câu đầu tiên đã có hai từ cần làm rõ, vì chúng liên quan đến người gửi và người nhận, nơi nhận bức quốc thư.

Trữ quân 儲君 (còn gọi là *Trừ quân*, *Trừu quân*) là người được chọn **chính thức kế nghiệp quân chủ** theo pháp chế thời phong kiến. Nếu Hoàng đế thống lĩnh, thì *Trữ quân* đồng nghĩa với *Hoàng trữ*/ *Hoàng trửu* 皇儲, tức *Hoàng thái tử* đã được sách phong làm người kế nhiệm. Nếu là chế độ do bậc Vương cai trị thì *Trữ quân* đồng nghĩa với *Vương trữ*/ *Vương trửu* 王儲 (tức *Thế tử* 世子) hoặc *Đại công trửu* 大公儲 (Đại công tử).

Ở đây, căn cứ vào thời điểm văn bản xuất hiện là vào năm Vinh Tộ thứ 8 (1626) cùng ấn triện *Trấn thủ tướng quân chi ấn* 鎮守將軍之印, chúng tôi khẳng



Ảnh 3: Ấn triện Trấn thủ tướng quân chỉ ấn ở bức quốc thư.

định vị *Trữ quân* chính là con trai trưởng của Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên: *Thế tử Nguyễn Phúc Kỳ* 阮福淇. Bởi từ năm 1614 cho đến lúc qua đời (1631), Công tử Nguyễn Phúc Kỳ kế nhiệm cha để giữ chức ***Trấn thủ Quảng Nam***.

Việc Trấn thủ Quảng Nam có toàn quyền về mọi phương diện kinh tế, ngoại giao với nước ngoài đã từng được chúng tôi nghiên cứu và khẳng định trong các bài nghiên cứu về *An Nam quốc thư*.^(*) Như vậy, đây tiếp tục là nguồn văn bản chuẩn xác để xác tín một cách chắc chắn vai trò về mọi mặt, trong đó có ngoại giao của các *Trấn thủ Quảng Nam* trong thế kỷ XVII-XVIII.

Trước nay vấn đề ***tác giả, người nhận bức quốc thư*** này vẫn nằm trong giả thiết và các ý kiến đoán định chưa thống nhất. Chẳng hạn, TS John Leinen thì suy đoán tác giả là *Koning Nguyen Phuoc Nguyen* (“Vua” Nguyễn Phúc Nguyên). Ông viết: “*Vermoedelijk is Koning Nguyen Phuoc Nguyen de auteur en niet zijn zoon, Nguyen Phuc Lan, die pas in 1631 zijn overleden broer als kroonprins verving*”⁽¹⁴⁾ (tạm dịch: Vua Nguyễn Phúc Nguyên có lẽ là tác giả chứ không phải là người con trai ông – Nguyễn Phúc Lan – người được thay thế vào năm 1631 sau khi người anh trai là *Thế tử* của ngài chết).

Trong khi đó, bản dịch sách *Sư tử và Rồng: Bốn thế kỷ quan hệ Hà Lan-Việt Nam...* viết rằng: “Người gửi lá thư này, một ‘đại diện nước Annam’ không tên tuổi cụ thể, có lẽ là hai nhân vật: năm 1614, một người con trai của Nguyễn Phúc Nguyên được phong làm chỉ huy quân sự vùng Quảng Nam – trung tâm của Vương quốc. Năm 1626, nhà vua trao quyền binh cho anh trai, người được tấn phong làm Thượng quan Công. Vì thế, người con trai tên Nguyễn Phúc Kỳ, mất năm 1631, và người anh trai tên Tôn Thất Khê, có thể là những người gửi lá thư này”.⁽¹⁵⁾

Bằng các yếu tố văn bản cụ thể, chúng tôi xin lần nữa khẳng định chủ nhân bức quốc thư gửi nhà đương cục công ty VOC ở Batavia (Indonesia) là ***Trấn thủ Quảng Nam Nguyễn Phúc Kỳ***.

- Về phía người nhận quốc thư:

Học giả John Leinen xác định người nhận quốc thư là Jan Pieterszoon Coen (1587-1629) – Toàn quyền VOC ở Đông Nam Á. Điều này được ông xác quyết ở phần chú giải ảnh quốc thư (đã dẫn) lẫn phần bình luận trước lúc dịch quốc thư. Cụ thể, phần giới thiệu mở đầu trước khi dịch thư, ông viết: “*Deze unit 1626 daterende brief is afkomstig van ‘de kroonprins van Annam’ aan GG*

* Xem Võ Vinh Quang, “Lược khảo văn bản *An Nam quốc thư*”, tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển*, số 9 (107). 2013. BBT.

J.P. Coen, die als Kapitein Moor, Mor in het Portugees van het Latijnse maior, werd aangeduid⁽¹⁶⁾ (tạm dịch: Đây là bức thư có niên đại vào năm 1626, do ‘vị Thế tử nước An Nam’ gửi cho GG J.P. Coen, được xem như vị Thủ lĩnh Moor, Mor theo tiếng Bồ Đào Nha đồng nghĩa với Maior, là vị chỉ huy).

Căn cứ theo nguyên bản Hán văn của quốc thư, nhân vật nhận thư là vị *Giáp tất đan* 甲必丹 (cũng viết là *Giáp tất đan* 甲必丹, tiếng Anh là **Captain**, tiếng Hà Lan là **Kapitein**, quốc tế ngữ là: **Kapitan**). *Giáp tất đan* 甲必丹 (*Kapitan*) là cách gọi giản lược của *Hoa nhân Giáp tất đan* 華人甲必丹 (*Kapitan China*/ *Kapitein der Chineezzen*) có nghĩa là vị thủ lĩnh/người cầm đầu/người chỉ huy của cộng đồng Hoa kiều ở các quốc đảo tại Đông Nam Á.

Theo giải thích ở sách *Southeast Asia: A Historical Encyclopedia, From Angkor Wat to East Timor* (Đông Nam Á: Một bách khoa toàn thư biên niên sử từ Angkor Wat đến Đông Timor) của tác giả Keat Gin Ooi tại mục *Kapitan China System*:

“Kapitan China, the Malay title meaning “captain [or chief] of the Chinese,” was accorded to the leader or headman of the Chinese community. This individual functioned as both intermediary and representative between the European colonial authorities and the Chinese community. The System proved to be an economical and effective means of indirect rule”.⁽¹⁷⁾

(Tạm dịch: Kapitan China, danh hiệu tiếng Mã Lai có nghĩa là “thủ lĩnh [hoặc chỉ huy trưởng] của người Trung Quốc”, người được xem là nhà lãnh đạo hay trưởng cộng đồng người Hoa. Nhân vật này hoạt động bao gồm cả vị thế trung gian và đại diện của chính quyền thuộc địa châu Âu và cộng đồng người Hoa. Hệ thống vận hành này được chứng minh là một phương tiện kinh tế và các quy tắc quản lý gián tiếp hiệu quả).

Chế độ *Giáp tất đan* 甲必丹 là chế độ bổ nhiệm một viên thủ lĩnh người Hoa quản lý gián tiếp cộng đồng người Hoa ở các quốc đảo Đông Nam Á như Mã Lai, Indonesia... do thực dân Bồ Đào Nha đặt ra từ đầu thế kỷ XV, khi họ xâm chiếm quần đảo *Malacca* thuộc Mã Lai và đảo *Bantam* (萬丹-Vạn Đan) của Indonesia. Đến thế kỷ XVI, Hà Lan và Anh chiếm đóng được các đảo này, cùng các đảo khác thuộc quần đảo Malaysia - Indonesia, họ vẫn tiếp tục duy trì chính sách dùng *Kapitan China* làm thủ lĩnh cộng đồng người Hoa kiều ở những quần đảo này.

Vào thế kỷ XVII, tại đảo Batavia, đế quốc Hà Lan đã thực thi *Chế độ Giáp tất đan* (甲必丹制度, tiếng Hà Lan: *Kapitein systeem*) sớm nhất, bằng cách ủy nhiệm *Souw Beng Kong* (蘇鳴崗-Tô Minh Cương) làm chức *Kapitan* (*Giáp tất đan* 甲必丹) – đứng đầu hòn đảo Batavia. Cụ thể, năm 1619, Toàn quyền Hà Lan ở Batavia lúc bấy giờ là *Jan Pieterszoen Coen* bổ nhiệm ông *Souw Beng Kong* giữ chức *Kapitan* đầu tiên (từ năm 1619 cho đến năm 1644) của VOC ở Batavia.⁽¹⁸⁾

Như thế, nhân vật được Trấn thủ Quảng Nam Nguyễn Phúc Kỳ gửi quốc thư chính là *Souw Beng Kong*, người đang giữ chức *Kapitan* (*Giáp tất đan* 甲必丹, tức *Kapitan China*) đứng đầu lãnh địa Batavia (Jakarta hiện nay) và cũng là nhân vật đại diện trực tiếp, làm trung gian cho VOC ở vùng quốc đảo này.

Vậy, tại sao học giả John Leinen lại khẳng định rằng đây là quốc thư gửi đến Toàn quyền Đông Ấn Hà Lan J.P. Coen? Theo chúng tôi, đây có thể là sự nhầm lẫn chấp nhận được. Bởi lẽ, Toàn quyền J.P. Coen là người có vai trò đặc biệt đối với việc thiết lập VOC tại Batavia. Ông đã chuyển Công ty VOC từ Bantam (tây Java) sang Jakarta và đổi tên thành Batavia vào năm 1619. Đồng thời ông đã có thời gian làm tổng giám đốc thương mại tại Batavia. Với vai trò đó, ắt hẳn nhiều người sẽ cho rằng mối quan hệ bang giao giữa Đại Việt nói chung, Đàng Trong nói riêng (trong đó có văn thư ngoại giao) phải trực tiếp gửi đến vị Toàn quyền này.

Tuy nhiên, trong thực tế các vị Toàn quyền VOC cai quản nhiều lãnh địa trên vùng Đông Nam Á chứ không chỉ riêng ở Batavia. Và ở mỗi quốc gia, lãnh thổ ở Đông Nam Á dưới sự quản lý của người Hà Lan, họ đã bổ nhiệm một nhân vật Kapitan làm quan viên với vai trò trung gian, cầu nối giữa Hà Lan và thuộc quốc. Đây là chính sách cai trị gián tiếp của thực dân phương Tây đối với các đảo quốc ở Đông Nam Á.

Mặt khác, J.P. Coen có hai đợt giữ chức Toàn quyền VOC (Gouverneurs-Generaal van de VOC) đó là: đợt 1 từ 1619-1623; đợt 2 là từ 1627-1629. Xen giữa hai đợt đó, từ 1623 đến 1627, Toàn quyền VOC bấy giờ là Pieter de Carpentier (1586-1659).⁽¹⁹⁾ Thế nên, bức quốc thư gửi vào năm 1626 chắc chắn không phải gửi trực tiếp cho J.P. Coen (vì lúc này ông không phải là Toàn quyền VOC).

Từ những chứng minh trên, chúng tôi khẳng định rằng nhân vật được gửi thư trực tiếp chính là vị Kapitan China đầu tiên ở Batavia: *Souw Beng Kong*. Ông chính là người trung gian quan trọng nhất để nối kết mối quan hệ giữa công ty VOC với các quốc gia vùng Đông Nam Á, trong đó có Đàng Trong đương thời.

3. Một số nhận định về bức quốc thư của Trấn thủ Quảng Nam gửi giới chức Batavia

Bức quốc thư gửi giới chức Batavia năm 1626 càng góp phần khẳng định thêm việc bang giao và quan hệ hải thương của Đàng Trong chính là nhu cầu thiết yếu nhất để xây dựng và phát triển vùng đất Nam Hà của các chúa Nguyễn. Bên cạnh hai bạn hàng truyền thống là thương nhân Nhật Bản và Trung Hoa, giới chức Đàng Trong vẫn liên tục có nhiều chính sách thu hút tàu thuyền, thương nhân của tất cả các quốc gia, lãnh thổ trên toàn thế giới. Đúng như nhận định của C. Borri năm 1621 rằng: “*Chúa Đàng Trong không đóng cửa trước một quốc gia nào, ngài để cho tự do và mở cửa cho tất cả người ngoại quốc, người Hà Lan cũng tới như những người khác, cùng với tàu chở rất nhiều hàng hóa của họ*”.⁽²⁰⁾ Việc mời gọi quá trình giao hảo rất nhiệt tình đối với thương nhân khắp nơi được thể hiện rõ ràng từ phía giới chức Nam Hà (cả chúa Nguyễn lẫn các quan viên, Trấn thủ...) rõ ràng là một đặc điểm nổi bật góp phần giúp Đàng Trong càng ngày càng vững mạnh về kinh tế, quân sự để có thể làm đối trọng với chính triều Lê Trịnh ở Đàng Ngoài trong suốt thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh (thế kỷ XVII-XVIII).

Quan hệ bang giao, ngoại thương giữa VOC với Đàng Trong mặc dù có những bước thăng trầm và gặp nhiều trở ngại do nhiều yếu tố khách quan

và chủ quan tác động (như việc hiểu nhầm về cách ứng xử của đôi bên dẫn đến các cuộc xung đột quân sự, việc buôn bán của công ty VOC bị thất bại do không chiếm lĩnh được thị trường Đàng Trong do thương nhân Nhật Bản, Trung Hoa và Bồ Đào Nha nắm giữ...). Tuy vậy, qua bức thông thư năm 1626 ở trên, cũng như những tư liệu hiện tồn chúng ta thấy giới chức Đàng Trong vẫn rất nhiệt tình mời chào VOC Hà Lan vào lãnh địa buôn bán. Mặt khác, nội dung quốc thư của Trấn thủ Quảng Nam Nguyễn Phúc Kỳ gửi giới chức Batavia cho thấy rằng trước đó chính quyền Nam Hà nói chung và Trấn thủ Quảng Nam Nguyễn Phúc Kỳ nói riêng từng gửi quốc thư cho các nhà Đương cục VOC, song chưa được hồi đáp: *“Trước đây, tôi trộm rất mến mộ quý quốc, đã sai người vượt gió đến giao tình. Ôi! vì mây xa cánh nhạn, tuyệt chẳng thấy hồi âm. Ấy do thời cuộc khác biệt ư? do biển rộng bể sâu ư?”*. Điều đó chứng tỏ trong giai đoạn Nguyễn Phúc Kỳ giữ chức Trấn thủ, ngoài việc duy trì quan hệ hữu hảo được cha mình là Thụy Quốc công Nguyễn Phúc Nguyên thiết lập với các bạn hàng truyền thống (như Nhật Bản, Trung Hoa), ông khá tích cực trong việc mở rộng buôn bán ngoại thương với các bạn hàng mới, như VOC chẳng hạn.

Bức quốc thư năm 1626 của Trấn thủ Quảng Nam Nguyễn Phúc Kỳ gửi nhà đương cục Batavia còn là cứ liệu lịch sử quan trọng nhằm góp phần khẳng định vị thế và vai trò đặc biệt trên mọi mặt của các đời Trấn thủ Quảng Nam trong tiến trình lịch sử Nam Hà. Không phải ngẫu nhiên khi rất nhiều tư liệu viết về Đàng Trong thời kỳ này của các học giả Nhật Bản, Trung Hoa, Bồ Đào Nha, Hà Lan... đều gọi tên xứ Quảng Nam là *“Quảng Nam quốc”*. Rõ ràng vị Trấn thủ Quảng Nam giữ vai trò trực tiếp giải quyết mọi vấn đề của xứ Quảng thuộc phạm vi mình quản lý. Cho nên, người được chọn giữ chức Trấn thủ Quảng Nam là nhân vật cấp cao, được “quy hoạch” kế nghiệp ngôi chúa Nguyễn trong tương lai. Và, quá trình trấn nhậm vùng đất này là bước tập dượt quan trọng của các nhân vật Trấn thủ ấy. Trong *Việt sử xứ Đàng Trong*, GS Phan Khoang bằng những nghiên cứu sâu sắc của mình đã từng khẳng định: *“Thương cảng Hội An ngày càng phồn thịnh, số thu nhập rất nhiều, và lại trấn Quảng Nam còn để trấn áp phương Nam, là trấn quan trọng, nên các chúa thường để một công tử làm Trấn thủ. Trấn thủ Quảng Nam có nhiệm vụ trực tiếp giao thiệp với người ngoại quốc và kiểm soát việc ngoại thương xuất nhập cảng. Người ngoại quốc, giáo sĩ cũng như du khách, thương nhân muốn ra vào đất Nam Hà phải do cửa Đà Nẵng, Hội An đến ra mắt Trấn thủ Quảng Nam trước, vì đó họ thường gọi xứ Đàng Trong là nước Quảng Nam (Quảng Nam quốc)”*.⁽²¹⁾ Nhận xét chuẩn xác ấy từng bước được chúng tôi củng cố thông qua quá trình giải mã nhiều bức *An Nam quốc thư* của Đàng Trong gửi Nhật Bản thời kỳ này, và tiếp tục được xác tín bằng tư liệu thông thư năm 1626 kể trên.

Bức quốc thư này còn là văn bản xác thực gợi mở hướng tiếp cận và nghiên cứu về các nhân vật Trấn thủ Quảng Nam thời chúa Nguyễn. Và cụ thể ở đây là về vai trò, công lao cũng như dấu ấn của Thế tử Nguyễn Phúc Kỳ - vị Trấn thủ Quảng Nam thứ hai dưới thời chúa Nguyễn - người chỉ được đề cập vài dòng ở *Dại Nam liệt truyện tiền biên*.

Trên bình diện bang giao quốc tế, bức quốc thư gửi Kapitan China (Souw Beng Kong) – người thủ lĩnh Hoa kiều ở Batavia và đóng vai trò trung gian, cầu nối giữa VOC với Đông Nam Á – sẽ góp phần gợi mở hướng nghiên cứu về vai trò của người Hoa ở những đảo quốc Đông Nam Á, đặt trong bối cảnh quan hệ giữa các quốc gia châu Á với các nước tư bản châu Âu trong “thời đại hải thương quốc tế” vào thế kỷ XVII-XVIII.

V V Q

CHÚ THÍCH

- (1) Chữ dùng của Anthony Reid trong “Southeast Asia in the age of Commerce 1450-1680”, *Expansion and Crisis*, Volume 2, Yale University Press, New Haven and London, February 1995, p. 217.
- (2) Li Tana (2013), *Xứ Đàng Trong: lịch sử kinh tế-xã hội Việt Nam thế kỷ 17-18*, Nguyễn Nghi dịch, Nxb Trẻ, tr. 95-96.
- (3) John Kleinen - Bert van der Zwan - Hans Moors - Ton van Zeeland (author, 2007), *Leeuw en Draak: Vier eeuwen Nederland en Vietnam*, Boom Publisher, Dutch.
- (4) John Kleinen - Bert van der Zwan - Hans Moors - Ton van Zeeland, *Sư tử và Rồng: Bốn thế kỷ quan hệ Hà Lan-Việt Nam*, Nguyễn Văn Kim, Hoàng Anh Tuấn biên dịch, Nxb Thế giới, Hà Nội, 2008.
- (5) *Leeuw en Draak: Vier eeuwen Nederland en Vietnam*, Sdd, tr. 22.
- (6) Thời lệnh 時令: thời tiết (ví dụ: xuân lệnh 春令 là tiết xuân, hạ lệnh 夏令 là tiết mùa hè).
- (7) Giới nhân 介人: kẻ sĩ có tài đức, có trách nhiệm thừa hành việc bang giao, trao đổi qua lại giữa người thứ nhất và người thứ ba. Ngày xưa giao tiếp với nhau, người giúp lễ cho chủ gọi là **thần** 摯, mà người giúp lễ cho khách thì gọi là **giới** 介. Hai nhân vật này được tuyển dụng để giúp lễ và đem lời người bên này nói với người bên kia biết. Như một người ở giữa nói cho người thứ nhất và người thứ ba biết nhau mà làm quen nhau gọi là *giới thiệu* 介紹 hay *môi giới* 媒介.
- (8) Vân biên nhạn khứ 雲邊鴈去: cũng viết là *vân biên nhạn đoạn* 雲邊雁斷 (mây bên trời, chim nhạn bị gãy cánh không bay đến được). Đây là điển tích, xuất xứ từ câu *Vân biên nhạn đoạn hồ thiên nguyệt* 雲邊雁斷胡天月 ở bài thơ *Tô Vũ miếu* 蘇武廟 của Ôn Đình Quân 溫庭筠. Ý nói ở giữa chừng đứt đoạn, không có tin tức gì.
- (9) Tiêu tức 消息: chữ này có nhiều nghĩa (như: tăng giảm, thịnh suy; thăng giáng, biến hóa, nghỉ hưu, đình chỉ, chấm dứt...). Trong ngữ cảnh này, tiêu tức có nghĩa là *chấm dứt, tuyệt không có*.
- (10) Âm hi 音希: giản lược của cụm từ “đại âm hi thanh” 大音希聲: âm thanh lớn nhất, đẹp nhất chính là “vô thanh” 無聲 (không có tiếng). Đây là cụm từ xuất phát từ *Đạo Đức kinh* của Lão Tử. Cụ thể, câu đầy đủ là: “Đại phương vô ngung, đại khí vân thành, đại âm hi thanh, đại tượng vô hình” 大方無隅, 大器晚成, 大音希聲, 大象无形 (Hình vuông cực lớn thì không có góc; cái khí cụ cực lớn [đạo] thì không có hình trạng cố định; âm cực lớn thì không có tiếng, hình tượng cực lớn là vô hình (không có hình tượng)).
- (11) Tôn tiến 尊前: bậc tôn trưởng/ trưởng bối.
- (12) Chỉ tín chi cú 止信之句: câu về đạo lý “chỉ tín”. *Chỉ tín* tức là **chỉ ư tín** 止於信, nghĩa là: dừng lại chính ở việc giữ chữ tín. Đây là chữ dùng trong sách **Đại học** 大學 (Dĩ quốc nhân giao, chỉ ư tín: giao thiệp với người các bang quốc thì dừng ở đức tín).
- (13) Hoàng hoa chi thi 皇華之詩: thơ “hoàng hoa”. Hoàng hoa là cách gọi tắt của *hoàng hoàng giả hoa* 皇皇者華 nghĩa là cây hoa đá nở rực rỡ. Thơ *hoàng hoa* dùng để chỉ về chuyện di sử. Ý nghĩa này bắt nguồn từ bài thơ *Hoàng hoàng giả hoa* trong thiên *Lộc Minh chi thập* 鹿鳴之什 ở *Tiểu nhã* 小雅 của *Kinh Thi* 诗经. Theo chú giải của Chu Hy thì “Đây là bài thơ sai khiến sứ thần. Vua sai bề tôi hấn là muốn tỏ rõ cái đức của bề trên và thấu đạt tâm tình của kẻ dưới.

Còn bề tôi nhận mệnh lệnh thì cũng chỉ lo sợ sẽ không được vừa ý của vua. Cho nên các bậc vua đời trước khi sai khiến sứ thần ra đi thì khen ngợi công cần khổ tuôn lút dặm đường và xét kể đến nỗi nhớ thương trong lòng vị sứ thần ấy” (theo: Khổng Tử (2003), *Kinh Thi*, tập 2, dịch giả Tạ Quang Phát, Nxb Đà Nẵng, tr. 27.

- (14) *Leeuw en Draak: Vier eeuwen Nederland en Vietnam*, Sdd, tr. 21.
- (15) *Sứ tử và Rồng: Bốn thế kỷ quan hệ Hà Lan-Việt Nam*, Sdd, tr. 24.
- (16) *Leeuw en Draak: Vier eeuwen Nederland en Vietnam*, Sdd, tr. 21.
- (17) Keat Gin Ooi (2004), *Southeast Asia: A Historical Encyclopedia, From Angkor Wat to East Timor*, Santa Barbara Publisher, p. 711.
- (18) *Souw Beng Kong* (1580-1644) là người ở huyện Đồng An, Phúc Kiến, Trung Quốc. Thuở nhỏ ông học trường tư. Năm 1600, ông chuyển đến Batavia để mưu sinh. Sau đó đi đến đảo Bantan thuộc phía tây quần đảo Java (Indonesia). Ông thông hiểu ngôn ngữ của Mã Lai và Bồ Đào Nha. Mùa hè năm 1619, từ Bantan ông dẫn đầu một nhóm người Trung Quốc đến Batavia để sinh sống và làm việc. Tháng 10 cùng năm (1619), Souw Beng Kong được Toàn quyền J.P. Coen bổ nhiệm giữ chức *Capitan China*. Khi ông đến Batavia được chính quyền đương cục VOC cho phép mua đất, đắp đê, xây nhà cửa để cư trú. Nhờ đó, đời sống của cộng đồng người Hoa ở Batavia được khấm khá hơn. Ông được giao quyền xử lý các vấn đề của Hoa kiều, xem xét và xử lý các tranh chấp, kiện tụng, cũng như các mối quan hệ giữa dân chúng và chính quyền.
- (19) Xem danh mục các Toàn quyền VOC (Gouverneurs - Generaal van de VOC) ở trang: http://www.vocsite.nl/geschiedenis/gg_overzicht.html
- (20) Cristophoro Borri (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên và Nguyễn Nghị dịch, chú thích, Nxb TP Hồ Chí Minh, tr. 92.
- (21) Phan Khoang (1969), *Việt sử xứ Đàng Trong 1558-1777: Cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, Nhà sách Khai trí, Sài Gòn, tr. 530.

TÓM TẮT

Các bức quốc thư giữa nước ta và các quốc gia trên thế giới vào “*kỷ nguyên thương mại Đông Nam Á*” (*Southeast asia's age of commerce*) thế kỷ XVII-XVIII bổ sung khá nhiều thông tin hữu ích về lịch sử, văn hóa, kinh tế-xã hội của Đại Việt (Đàng Trong - Đàng Ngoài) giai đoạn này. Ở bài viết này, chúng tôi trình bày hướng tiếp cận mới về bức quốc thư của chính quyền Đàng Trong gửi Công ty Đông Ấn Hà Lan (*Vereenigde Oost-Indische Compagnie*, V.O.C) vào niên hiệu Vĩnh Tộ thứ 8 (năm 1626). Hy vọng tư liệu này sẽ góp phần giải mã một số vấn đề quan trọng liên quan đến lịch sử xã hội Đàng Trong cũng như mối quan hệ với Hà Lan đương thời.

ABSTRACT

LEARNING ABOUT THE LETTER OF THE GOVERNOR OF COCHINCHINA TO THE DUTCH EAST INDIA COMPANY IN BATAVIA (INDONESIA) IN 1626

The letters exchanged between Vietnam and the countries of the world in *Southeast Asia's age of commerce* in the 17th-18th centuries added plenty of useful information about the history, culture, and socio-economy of Greater Vietnam (including Cochinchina and Tonkin) at that time. In this article, we present a new approach toward the letter of Cochinchina government to the Dutch East India Company (*Vereenigde Oost-Indische Compagnie*, V.O.C) in the 8th year of reign name Vĩnh Tộ (1626). It is hoped that this document will contribute to decipher of some important issues related to the history and society of Cochinchina as well as its relationships with the Dutch at that time.